**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**KHOA NGỮ VĂN**

--------------------------------------------------

**NHÓM 9**

**THƠ HẬU HIỆN ĐẠI VIỆT NAM SAU 1986**

**( QUA MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP TIÊU BIỂU )**

**BÀI TẬP NHÓM**

**HỆ THỐNG THỂ LOẠI VÀ TÁC GIA TIÊU BIỂU**

**VĂN HỌC VIỆT NAM 1945 ĐẾN NAY**

**Người hướng dẫn khoa học:**

**T.S. BÙI BÍCH HẠNH**

**Đà Nẵng,2023**

**BẢNG ĐÁNH GIÁ HIỆU SUẤT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thành viên** | **Nhiệm vụ** | **Hiệu suất** |
| 1 | Nguyễn Thị Như Hoàng | Mở đầu, Kết luận + PP | **100%** |
| 2 | Phạm Thị Thu Nương | Chương 1 | **100%** |
| 3 | Nguyễn Uyên Nhi | Chương 1 | **100%** |
| 4 | Lê Phạm Khánh Nguyên | Chuơng 2 | **100%** |
| 5 | Nguyễn Ni Na | Chương 2 | **100%** |
| 6 | Phạm Khánh Linh | Tổng hợp Word + TT | **100%** |

**MỤC LỤC**

**MỞ ĐẦU ……………………………………………………………………………**

**CHƯƠNG 1: BỐI CẢNH CHUNG CỦA THƠ VIỆT NAM SAU 1986 ………..**

* 1. Chủ nghĩa hậu hiện đại…………………….........................................................

1.1.1 Khái niệm…………………………………………………………………

1.1.2 Lịch sử phát triển của Chủ nghĩa hậu hiện đại trên thế giới……………………

1.2 Bối cảnh chung của thơ Việt Nam sau năm 1986………………………………

1.2.1 Bối cảnh lịch sử………………………………………………………………

1.2.2 Tình hình thơ Việt Nam sau 1986…………………………………………………

**CHƯƠNG 2 HÀNH TRÌNH ĐỔI MỚI THƠ HẬU HIÊN ĐẠI VIỆT NAM KHẢO SÁT QUA MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP NGUYỄN LƯƠNG NGỌC, BÙI GIÁNG .....**

2.1 Đổi mới trong quan niệm sáng tạo và bản chất cái tôi trữ tình…

2.1.1 Đổi mới về thơ và nhà thơ …

2.1.1.1 Những tìm tòi, đổi mới trong quan niệm về thơ …

2.1.1.2 Đóng góp của các nhà thơ thế hệ Đổi mới trong quan niệm về nhà thơ…

2.1.2 Đổi mới bản chất cái tôi trữ tình……

2.1.2.1 Cái tôi thân phận, số phận…

2.1.2.2 Cái tôi sáng tạo……………………………

2.1.2.3 Cái tôi vô thức, tâm linh…

2.2 Đổi mới trên phương diện thể loại, ngôn ngữ và thi pháp …………

2.2.1 Đổi mới về thể loại…………………

2.2.1.1 Thơ tự do ……………………………………………………

2.2.1.2 Thơ văn xuôi……………………………………………………………

2.2.2 Đổi mới về ngôn ngữ………………………………………………………………

2.2.2.1 Ngôn ngữ mang tính đời thường………………………

2.2.2.2 Ngôn ngữ mang tính tượng trưng, siêu thực……………………………

2.2.3 Đổi mới về thi pháp………………………………………………

2.2.3.1 Thời gian nghệ thuật ……………………………………………

2.2.3.2 Không gian nghệ thuật…………………………………………….

**KẾT LUẬN**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**MỞ ĐẦU**

Thơ là một thể loại văn học xuất hiện rất sớm trong đời sống con người. Với

phương thức trữ tình, thơ tác động một cách trực tiếp hoặc gián tiếp đến nhận thức,

cảm xúc, suy nghĩ của người đọc. Thơ thuộc phương thức trữ tình nên trước hết

thơ là sự bộc lộ thế giới nội cảm của nhà thơ trước cuộc đời, đó là những tình cảm,

những rung động của con người trước cuộc sống được thể hiện một cách chân

thành, tự nhiên. Có thể thấy, thơ ca giữ một vị trí vô cùng quan trọng, là bước khởi

đầu cho sự xuất hiện của văn học và duy trì được những đặc trưng quan trọng của

văn học. Qua mỗi giai đoạn phát triển khác nhau trong tiến trình lịch sử văn học,

thơ ca lại có sự đổi khác, tự làm mới mình để phù hợp với nhu cầu của lịch sử xã

hội.

Có thể thấy, sau năm 1986, thơ ca Việt Nam bước sang giai đoạn hoàn toàn mới, chưa bao giờ nhu cầu cách tân thơ ca lại trở thành một ý thức tự giác, một điều kiện cần thiết, một xu hướng sáng tạo trong thơ ca, nó đã trở thành một “làn sóng” mạnh mẽ như vậy. Sang đến giai đoạn văn học đổi mới năm 1986, khi văn học không còn là một công cụ công cụ phục vụ chiến đấu, thơ ca tìm về với bản chất nguyên thủy của mình, đó là việc bộc lộ những tình cảm riêng tây, thể hiện cái nhìn cá nhân; và lúc này, cái tôi cá nhân lại trỗi dậy mạnh mẽ. Đây tuy không phải là một sự cách tân trong thơ ca mà là một sự thay đổi trong quá trình vận động thơ ca, làm thay đổi bình diện chung của thơ ca thời kỳ đổi mới. Sự trở về của cái tôi trữ tình cá nhân chính là một trong những yếu tố quan trọng nhất thể hiện sự đổi mới trong thơ ca đương đại. Cuộc đổi mới thơ ca sau 1986 một mặt là do sự thúc ép của tình hình xã hội, mặt khác do yêu cầu tự thân của thơ ca cần phải đổi mới để duy trì sự tồn tại trong vòng quay chung của văn học. Cuộc cách mạng đổi mới thơ ca sau năm 1986 là bước khởi đầu cho cuộc cách tân trong thơ và quá trình cách tân ấy cho đến nay vẫn chưa có hồi kết. Mọi nhà thơ đương đại đều khao khát tìm tòi và sáng tạo ra những cách thể hiện mới mẻ trong thơ ca.

**CHƯƠNG 1**

**KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA HẬU HIỆN ĐẠI VÀ BỐI CẢNH CHUNG CỦA THƠ VIỆT NAM SAU 1986**

**1.1. Khái quát về chủ nghĩa hậu hiện đại**

***1.1.1. Khái niệm hậu hiện đại***

Chủ nghĩa hậu hiện đại là một thuật ngữ được dùng trong nhiều lĩnh vực tư tưởng, từ triết học, mĩ học, các ngành phê bình, nghiên cứu nghệ thuật, trong đó có phê bình, nghiên cứu văn học... Thuật ngữ Chủ nghĩa hậu hiện đại lần đầu tiên được dùng trong một cuốn sách xuất bản năm 1917 của nhà triết học người Đức Rudolf Pannwitz. Nhiều nhà nghiên cứu sau Rudolf Pannwitz đã phát triển ý nghĩa của thuật ngữ này, có thể kể một số tên tuổi như Irving Howe, Ihab Hassan, Jane Jacobs, Michel Foucault, Jean-Francois Lyotard, Richard Rorty... Cho đến nay, theo số liệu thống kê, trên thế giới có gần chục ngàn công trình mà tên của các công trình đó có nhắc tới postmodernism. Mặc dù xuất hiện từ năm 1917, nhưng chủ nghĩa hậu hiện đại bắt đầu được hình thành như một trào lưu tư tưởng và phát triển từ những năm 50, 60 của thế kỉ XX.

Jean-Francois Lyotard – một trong những người khai sinh ra lý thuyết hậu hiện đại – trong Lời giới thiệu cuốn Điều kiện hậu hiện đại đã dưa ra khái niệm hậu hiện đại và giới thuyết phạm vi của nó: "Mục đích của công trình này là nghiên cứu điều kiện tri thức trong hầu hết các xã hội phát triển cao. Tôi đã quyết định sử dụng thuật ngữ hậu hiện đại để miêu tả điều kiện đó".

PGS.TS Lê Huy Bắc thì đề xuất cách hiểu khái niệm Chủ nghĩa hậu hiện đại như sau: “Chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học ra đời từ những năm 1950, là khuynh hướng tiếp nối chủ nghĩa hiện đại…được thể hiện ở cả 3 phương diện thơ, kịch, văn xuôi với các đặc điểm chính: đa trị, huyền áo, lắp ghép, mảnh cỡ, cực hạn, độ căng, hạn chế tối đa vai trò thống trị của người kể chuyện, không quan tâm đến cốt truyện, kịch và văn xuôi mang nhiều hình thức của thơ”.

Như vậy, hiểu đơn giản, chủ nghĩa hậu hiện đại là một cách nhìn nhận thế giới và con người xuất phát từ hệ quả tất yếu của thời đại khoa học kĩ thuật phát triển như vũ bão. Theo những người chủ trương phát triển chủ nghĩa hậu hiện đại, thì đó là một bước tiến so với chủ nghĩa hiện đại.

***1.1.2. Dấu ấn hậu hiện đại trong văn học Việt Nam đương đại***

Từ nửa sau thế kỉ XX, văn học thế giới chuyển qua giai đoạn hậu hiện đại. Nếu hoạt động sáng tạo ở Việt Nam phát triển theo hướng hoà nhập với tư duy nghệ thuật của nhân loại thì liệu có thể tìm thấy trong văn học thời đổi mới của chúng ta những dấu hiệu của chủ nghĩa hậu hiện đại hay không? Có thể hiện nay trong văn học Việt Nam chưa xuất hiện các trường phái, khuynh hướng, hay trào lưu hậu hiện đại với ý nghĩa đầy đủ của khái niệm ấy. Nhưng vẫn tìm được những dấu hiệu, hoặc có thể gọi là các yếu tố hậu hiện đại trong sáng tác của một số cây bút tiêu biểu của văn học thời đổi mới.

Chúng ta bắt gặp cảm quan hậu hiện đại về những cảm nhận một thế giới vô hồn, vô nghĩa Đó là một kiểu cảm nhận đời sống đặc thù thể hiện trạng thái tinh thần của thời đại: nhận thấy sự đổ vỡ của những trật tự đời sống, tính áp đặt của cái chính thống, của các phát ngôn lớn, sự đảo lộn trong các thang bảng giá trị đời sống, sự mất niềm tin, bơ vơ, lạc loài, vong thân, tâm trạng hồ nghi tồn tại và tình trạng bất an của con người... Đấy là tinh thần chung nhất. Còn sự thể hiện chúng trong văn chương lại khá đa dạng, phức tạp: những câu chuyện vô nghĩa của cuộc đời, sự bê tha nhếch nhát của con người, sự bơ vơ lạc loài của cái đẹp trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp; ở Phạm Thị Hoài thì là câu chuyện một thế giới vô hồn ít sự gần gũi mang tình người, chủ yếu là về những cuộc chia tay; Tiểu thuyết Nguyễn Bình Phương ám ảnh bởi sự khủng hoảng niềm tin của con người, của nhà văn vào cuộc đời, sự đổ vỡ của những trật tự đời sống xã hội và gia đình, sự ngắc ngoải ngưng đọng của đời sống, sự đánh mất bản ngã, phương hướng, sự băng hoại đạo đức, sự đau đớn bơ vơ, tình trạng bất an của con người. Văn chương Tạ Duy Anh là nỗi khắc khoải đi tìm bản ngã, tìm một giá trị thật sự nhân bản trên cái đời sống đổ nát, điêu tàn, là sự loay hoay lý giải, hoá giải những nỗi đoạ đầy con người từ tiền kiếp.

Bên cạnh các tác phẩm văn xuôi, nền thơ ca sau 1986 chính là thơ ca bước sang giai đoạn đổi mới có những bước chuyển mình mạnh mẽ nhằm tự tìm lại vị trí trong đời sống xã hội. Sau năm 1986, bối cảnh văn hóa - xã hội đã tạo điều kiện cho thơ Việt Nam có những chuyển động lớn về tư duy và cảm hứng thơ. Với cú xoay chuyển này, trên thi đàn cũng đồng thời xuất hiện một thế hệ các nhà thơ trẻ sung sức và không ngừng tạo nên phẩm chất mới, diện mạo mới cho thơ ca Việt Nam đương đại: Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly và Bùi Sim Sim,...

**1.2 Bối cảnh lịch sử thơ ca sau năm 1986**

***1.2.1 Bối cảnh lịch sử***

Sau năm 1986, Việt Nam đã trải qua một số thay đổi quan trọng trong lịch sử và văn hóa, ảnh hưởng đến thơ ca của đất nước. Năm 1986 được coi là điểm khởi đầu cho chính sách Đổi mới kinh tế của Việt Nam, mở cửa và tiến hành các biện pháp cải cách kinh tế để thúc đẩy sự phát triển.

Trong bối cảnh này, thơ ca Việt Nam sau năm 1986 đã chứng kiến sự tự do và sáng tạo mới. Các nhà thơ có được không gian tự do hơn để diễn đạt ý kiến cá nhân và khám phá các chủ đề mang tính xã hội, văn hóa và cá nhân.

Một trong những xu hướng quan trọng trong thơ ca Việt Nam sau năm 1986 là việc khai phá các giá trị dân tộc và lịch sử. Những bài thơ với chủ đề về cuộc sống hàng ngày của người dân Việt Nam, câu chuyện gia đình, tình yêu và thiên nhiên đã xuất hiện rất nhiều. Ngoài ra, việc tái hiện lại lịch sử dân tộc thông qua các bài thơ cũng trở thành một xu hướng phổ biến.

Thơ ca Việt Nam sau năm 1986 cũng chứa đựng những ý kiến phản ánh xã hội và những vấn đề hiện thực. Các nhà thơ đã sử dụng ngôn ngữ táo bạo và hình ảnh mạnh mẽ để diễn tả sự bất mãn, khát vọng tự do và mong muốn thay đổi trong xã hội.

Ngoài ra, việc tiếp cận các trào lưu thơ ca quốc tế cũng đã góp phần làm cho thơ ca Việt Nam sau năm 1986 trở nên đa dạng và phong phú. Các nhà thơ đã kết hợp các yếu tố từ các trường phái và xu hướng khác nhau để tạo ra một di sản mới cho văn chương Việt Nam.

Bối cảnh lịch sử của thơ ca Việt Nam sau năm 1986 được đánh dấu bởi sự tự do sáng tạo, khai phá giá trị dân tộc và lịch sử, ý kiến cá nhân về xã hội hiện đại, và tiếp thu các yếu tố quốc tế. Thời kỳ này đã mang lại một cuộc cách mạng trong thơ ca Việt Nam và tạo ra một di sản văn hóa đa dạng và phong phú.

***1.2.2 Tình hình thơ ca Việt Nam sau năm 1986***

Sau năm 1986, Việt Nam đã trải qua một số thay đổi quan trọng trong lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật, bao gồm cả thơ. Đây là giai đoạn được gọi là "Đổi mới" - một chính sách kinh tế và xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

Trong lĩnh vực thơ ca, sau 1986 đã xuất hiện một sự phá cách và đa dạng hóa trong các tác phẩm. Các nhà thơ bắt đầu khám phá các chủ đề mới, từ cuộc sống hàng ngày cho tới những vấn đề xã hội và chính trị. Họ sử dụng ngôn ngữ tự do hơn, mang tính biểu cảm cao và có xu hướng tiếp cận theo phong cách cá nhân.

Tình hình thơ Việt Nam sau năm 1986 rất đa dạng và phong phú, bao gồm nhiều dòng thơ và tác giả khác nhau.Một số nhà thơ nổi tiếng trong thời kỳ này bao gồm: Nguyễn Duy , Bùi Giáng, Xuân Diệu , Thanh Tâm Tuyền và Trần Dần . Các nhà thơ này đã để lại dấu ấn riêng của mình trong lịch sử văn học Việt Nam sau 1986.

Ngoài ra, cũng có sự phát triển của các tạp chí và nhóm thơ mới, tạo điều kiện cho các nhà thơ trẻ có cơ hội được công bố và giao lưu với nhau. Điều này đã đóng góp vào sự phong phú và đa dạng của thơ ca Việt Nam trong giai đoạn này.